

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2021/DS-ST

Ngày 31 – 5 – 2021

“V/v tranh chấp tiền hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Kha;
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2021/TLST- DS ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp tiền hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2021/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Dương Minh T, sinh năm 1980 (có mặt);

Chị Trần Lệ T', sinh năm 1976 (có mặt).

Cùng địa chỉ: đường L, khóm N, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Trần Đình Th, sinh năm 1978. (có mặt)

Chị Nguyễn Thị Q (Tú Q), sinh năm 1985 (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường L, khóm N, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa anh Dương Minh T, chị Trần Lệ T' trình bày:

Vào năm 2018 đến năm 2019 vợ chồng anh có làm chủ hụi, mở nhiều dây hụi, trong đó có anh Trần Đình Th, chị Nguyễn Thị Q có vô hụi nhiều dây, cụ thể:

- Ngày 01/8/2018 âl: Mở hụi 3.000.000đ, hụi có 32 chân, 15 ngày khui 01 lần, anh Th, chị Q vô 01 chân hốt kỳ đầu, số tiền hốt được 39.900.000đ, hụi mãn ngày 15/11/2019 âl, còn nợ 10 kỳ hụi chết với số tiền là 30.000.000đ.

- Ngày 10/10/2018 âl: Mở hụi 5.000.000đ, hụi có 30 chân, 20 ngày khui 01 lần, anh Th, chị Q vô 01 chân hốt kỳ thứ 12, số tiền hốt được 114.640.000đ, hụi mãn ngày 20/4/2020 âl, còn nợ 18 kỳ hụi chết với số tiền là 90.000.000đ.

- Ngày 06/6/2019 âl: Mở hụi 2.000.000đ, hụi có 34 chân, 15 ngày khui lần, anh Th, chị Q vô 02 chân; chân thứ nhất hốt kỳ thứ 3, số tiền hốt được 43.000.000đ, chân thứ hai hốt kỳ thứ 8, số tiền hốt được là 49.020.000đ, hụi mãn ngày 20/9/2020 âl, còn nợ 26 kỳ hụi chết với số tiền 02 chân là 104.000.000đ.

- Ngày 10/02/2019 âl: Mở hụi 2.000.000đ có 02 dây:

+ Dây 1: hụi có 32 chân, 15 ngày khui 01 lần, anh Th, chị Q vô 02 chân hốt kỳ đầu và kỳ thứ hai, chân thứ nhất hốt được 37.200.000đ, hụi mẫn ngày 10/5/2020 ăl, chân này đóng đủ. Chân thứ hai hốt được 41.000.000đ, chân này còn nợ 60.000.000đ.

+ Dây 2: hụi có 32 chân, 15 ngày khui 01 lần, anh Th, chị Q vô 01 chân hốt kỳ thứ chín, số tiền hốt được 49.580.000đ, hụi mẫn ngày 10/5/2020 ăl, chân này còn nợ 750.000đ.

Ngoài ra, vào ngày 28/5/2019 ăl chị Q có vay của vợ chồng anh chị số tiền 40.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, có làm biên nhận.

Đến ngày 20/9/2019 ăl hai bên có tổng kết nợ, chị Q nợ số tiền 224.750.000đ (Đã trừ 40.000.000đ tiền vay) và có làm biên nhận.

Tổng cộng các chân hụi chị Q còn nợ 224.750.000đ và anh Th còn nợ 60.000.000đ.

Nay anh T, chị T' yêu cầu anh Th, chị Q cùng có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền: 366.592.150đ. Trong đó: Tiền hụi: 284.750.000đ và tiền lãi 81.842.150đ [lãi suất 20%/năm tính từ ngày 20/9/2019 ăl đến ngày 20/4/2021 ăl của số tiền 224.750.000đ (19 tháng bằng 70.886.150đ) và từ ngày 10/5/2020 ăl đến 20/4/2021 ăl của số tiền 60.000.000đ (11 tháng bằng 10.956.000đ)].

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Q (Tú Q) trình bày:

Chị thừa nhận có giao dịch tiền hụi và tiền vay với vợ chồng anh T, chị T'.
Cụ thể:

Đối với tiền hụi từng lần giao dịch chị không nhớ, tuy nhiên đến ngày 20/9/2019 ăl chị và chị T', anh T có tổng kết hụi chị còn nợ vợ chồng chị T' số tiền 224.750.000đ.

Đối với tiền vay chị thừa nhận có vay số tiền 40.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 1.000.000đ đóng 5.000đ tiền lãi, 05 ngày đóng 01 lần, mỗi lần đóng số tiền 200.000đ khi đóng có ghi vào sổ chị T', số tiền đóng được bao nhiêu chị không nhớ và số tiền vay đã trừ vào biên nhận ngày 20/9/2019 ăl.

Nay chị thừa nhận còn nợ và đồng ý thanh toán cho anh T, chị T' tổng số tiền 224.750.000đ (có cả phần tiền anh Th nợ 60.000.000đ). Đối với tiền lãi chị xin không thanh toán, do làm ăn khó khăn không còn khả năng trả nợ. Chị xác định đây là nợ riêng của chị không liên quan đến anh Th.

Sau khi tổng kết còn nợ 224.750.000đ chị có góp cho chị T' nhiều lần với số tiền khoảng 2.000.000đ nên yêu cầu đối trừ tiền còn nợ. Khi đóng không làm biên nhận.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa anh Trần Đình Th trình bày:

Anh xác định sự việc giao dịch tiền hụi và tiền vay giữa vợ anh (chị Q) và anh T, chị T' anh hoàn toàn không biết. Đối với biên nhận hụi ngày 25/02/2019 ăl anh xác định có vô hụi và hốt hụi. Sau khi hốt hụi anh có giao tiền chị Q để đóng hụi chết đầy đủ cho nguyên đơn vì vậy chân hụi này anh không còn nợ. Nay anh T, chị T' yêu cầu anh có trách nhiệm trả nợ cùng với chị Q tổng số tiền 366.592.150đ anh không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T, chị T' có thay đổi yêu cầu về quan hệ giao dịch và số tiền yêu cầu. Xét thấy, việc thay đổi không vượt quá yêu cầu khởi kiện và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn nên được chấp nhận. Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp tiền hối.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Đối với tiền hối của chị Q: Anh T, chị T' và chị Q thống nhất ngày 20/9/2019 kê kết toán bị đơn còn nợ số tiền 224.750.000đ (Đã trừ 40.000.000đ tiền vay ngày 28/5/2019 kê). Vấn đề các đương sự tranh chấp là trong số tiền 224.750.000đ có khoản tiền hối 60.000.000đ của anh Th hay không và nguyên đơn có yêu cầu tính lãi; bị đơn xin không thanh toán. Xét thấy, chị Q anh Th mỗi người tham gia hối, hốt hối và làm biên nhận hối riêng lẻ, vì vậy nguyên đơn cho rằng khi kê toán nợ thì hối ai tham gia do người đó làm biên nhận là có cơ sở; đối với tiền lãi do hối đã mất thời gian lâu nguyên đơn đã trần đóng hối chết cho các tay em nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 20/9/2019 kê đến ngày 20/4/2021 kê (nhằm ngày 31/5/2021dl) là phù hợp được chấp nhận. Cụ thể:

Từ ngày 20/9/2019 kê đến ngày 20/4/2021 kê (ngày 31/5/2021dl) là 19 tháng:

$224.750.000đ \times 1,66\%/tháng \times 19 tháng = 70.886.150đ$.

Như vậy: Tiền hối còn nợ $224.750.000đ + lãi 70.886.150đ = 295.636.150đ$ (1)

- Đối với tiền hối của anh Th: Anh T, chị T' xác định sau khi hốt hối, anh Th không thanh toán hối chết, hối này hiện đã mất vào ngày 10/5/2020 kê. Đối với anh Th cho rằng biên nhận hối ngày 25/02/2019 kê anh xác định có vô hối và hốt hối. Sau khi hốt hối anh có giao tiền chị Q để đóng hối chết đầy đủ cho nguyên đơn vì vậy chân hối này anh không còn nợ nên nguyên đơn yêu cầu anh có trách nhiệm cùng trả nợ anh không đồng ý. Xét thấy, sau khi hốt hối anh cho rằng có giao tiền chị Q để đóng hối chết đầy đủ vì vậy chân hối này anh không còn nợ là không cơ sở chấp nhận, bởi lẽ khi tham gia chơi hối và hốt hối anh là người trực tiếp nhận tiền từ chủ hối trong khi nguyên đơn không thừa nhận có đóng hối chết, việc anh giao tiền cho vợ anh (chị Q) đóng hối là giao dịch giữa vợ chồng nên thiếu tính thuyết phục. Vì vậy cần buộc anh Th có trách nhiệm trả cho nguyên đơn khoản tiền hối còn nợ 60.000.000đ.

Đối với việc nguyên đơn yêu cầu tiền lãi, bị đơn không thừa nhận nợ nên không đồng ý trả tiền lãi. Xét thấy, cũng như nhận định trên hối đã mất từ ngày 10/5/2020 kê, nguyên đơn đã trần đóng hối chết cho các tay em trong đó có anh Th nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi là phù hợp được chấp nhận. Cụ thể: Từ ngày 10/5/2020 kê (ngày 30/6/2020dl) đến ngày 20/4/2021 kê (ngày 31/5/2021dl) là 11 tháng:

$60.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 11 tháng = 10.956.000đ$.

Như vậy: Tiền hối 60.000.000đ + lãi 10.956.000đ = 70.956.000đ (2)

Cộng (1) và (2): $295.636.150đ + 70.956.000đ = 366.592.150đ$.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán: Xét tại thời điểm vay, tham gia hối và đến nay anh Th, chị Q là vợ, chồng vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân, anh Th xác định không biết và không liên quan đến việc chị Q nợ anh T và chị T' là không cơ sở. Bởi lẽ, anh Th biết và thừa nhận biên nhận hối ngày 25/02/2019 kê do anh viết khi

hốt hụi. Mặt khác, chị Q tham gia hụi và vay tiền mở quán cơm là nhằm mục đích chi xài trong gia đình do đó đối chiếu Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình quy định nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Cho nên anh Th có trách nhiệm cùng với chị Q thanh toán số tiền hụi còn nợ cho nguyên đơn là phù hợp.

[4] Đối với việc chị Q cho rằng sau khi kết toán nợ chị có trả góp nhiều lần với số tiền khoản 2.000.000đ nên yêu cầu đối trừ, nguyên đơn không thừa nhận có việc trả này, bị đơn không chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 468; 471 của Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình. Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị Nguyễn Thị Q (Tú Q) và anh Trần Đình Th thanh toán cho chị Trần Lệ T' và anh Dương Minh T tổng số tiền là: 366.592.150đ. Trong đó: Nợ tiền hụi 284.750.000đ và tiền lãi 81.842.150đ.

Kể từ ngày chị T', anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Q, anh Th không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Đình Th phải nộp 18.329.607đ (chưa nộp).

+ Chị Trần Lệ T', anh Dương Minh T không phải nộp án phí. Vào ngày 01/04/2021 chị Trần Lệ T' và anh Dương Minh T đã dự nộp số tiền 9.136.000 đồng, tại lai thu số 0000888 được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Tòa án Tp Cà Mau.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)